UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ XUÂN LÃNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2351/QĐ-UBND	*Xuân Lãng, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025; Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 sửa đổi bổ sung của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1653/UBND-KT&HT ngày 29/5/2023 của UBND huyện Bình Xuyên về việc chấp thuận địa điểm mở rộng nghĩa trang nhân dân tập trung khu Vườn Cam, thị trấn Đạo Đức;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND xã Xuân Lãng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND xã Xuân Lãng về việc giao Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư dự án: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 16/7/2026 của UBND xã Xuân Lãng về Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế dự án: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 10/BC-KQTT ngày 05/08/2026 của Công ty Cổ phần tư vấn trắc địa bản đồ Đại Việt về việc báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Thông báo số 192/TB-KT ngày 09/10/2026 của phòng Kinh tế về thông báo kết quả thẩm định báo cáo KTKT xây dựng công trình Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại tờ trình số 660/TTr-KT ngày 09/10/2026 về việc đề nghị phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nghĩa trang nhân dân khu vườn Cam, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; cấp III; Nhóm C.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Xuân Lãng

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án xã Xuân Lãng.

6. Đơn vị tư vấn lập báo cáo KTKT: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại KTS.

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế lập BCKTKT: Công ty cổ phần tư vấn trắc địa bản đồ Đại Việt.

8. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng Nghĩa trang nhân dân Khu vườn Cam nhằm hình thành khu nghĩa trang tập trung, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu di dời, quy tập các phần mộ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng khu đô thị thép Việt Đức và một số dự án trên địa bàn xã Xuân Lãng; khắc phục tình trạng an táng phân tán; bảo đảm vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và mỹ quan khu vực; đồng thời đáp ứng nhu cầu an táng văn minh, lâu dài của nhân dân xã Xuân Lãng.

9. Quy mô và giải pháp thiết kế:

9.1. Quy mô:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân Khu vườn Cam tại xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ theo quy hoạch được duyệt, với tổng diện tích khoảng 23.027m2 (2,3027ha), gồm các hạng mục chủ yếu: san nền; giao thông nội

bộ; hệ thống thoát nước; cổng, tường rào; nhà hành lễ; khu mộ cát táng; bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác.

9.2. Giải pháp thiết kế:

San nền trên tổng diện tích khoảng 11.607,0m², sử dụng đất cấp III để đắp, lu lèn đạt độ chặt K90, bảo đảm cao độ và độ dốc theo hồ sơ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu thoát nước và phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực. Riêng đối với các ô cây xanh, tận dụng nguồn đất hữu cơ phù hợp để đắp tạo mặt bằng trồng cây theo thiết kế (không đắp K90)

- Giao thông: gồm 07 tuyến theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu đất được duyệt, với tổng chiều dài L=1.075,01m gồm: Tuyến 1, L=114,81m; Tuyến 2 L= 176,22m; Tuyến 3 L= 197,65m; Tuyến 4 L= 154,76m; Tuyến 5 L= 274,87m; Tuyến 6 L= 76,46m; Tuyến 7 L= 80,24m.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Tuyến 1: (Mặt cắt ngang 1-1) Bnền= 7,5m (Bmặt= 5,82-:-6,02m; Brãnhphải= 0,74-:-0,84m, Brãnhtrái =0,74-:-0,84m).

+ Tuyến 2: (Mặt cắt ngang 2-2) Bnền= 5,5m (Bmặt= 4,02m; Brãnhphải= 0,74m, Brãnhtrái =0,74m).

+ Tuyến 3: (Mặt cắt ngang 3-3) Bnền= 3,5m (Bmặt= 2,76m; Brãnhphải= 0,74m, Brãnhtrái =0m).

+ Tuyến 4: (Mặt cắt ngang 3-3) Bnền= 3,5m (Bmặt= 2,76m; Brãnhphải= 0,74m, Brãnhtrái =0m).

+ Tuyến 5: (Mặt cắt ngang 3-3) Bnền= 3,5m (Bmặt= 2,66-:-2,76m; Brãnhphải= 0m, Brãnhtrái =0,74-:-0,84m).

+ Tuyến 6: (Mặt cắt ngang 3-3) Bnền= 3,5m (Bmặt= 2,66m; Brãnhphải= 0m, Brãnhtrái =0,84m).

+ Tuyến 7: (Mặt cắt ngang 3-3) Bnền= 3,5m (Bmặt= 2,66m; Brãnhphải= 0,84m, Brãnhtrái =0m).

- Độ dốc ngang: Độ dốc ngang mặt đường các tuyến 1 và tuyến 2 (im) =2%, Các tuyến 3 đến 7 (im)=1% dốc 1 mái về phía rãnh thoát nước, đảm bảo thoát nước bề mặt hiệu quả, tránh đọng nước trên mặt đường và vỉa hè.

Kết cấu mặt đường khi đầu tư hoàn chỉnh như sau:

+ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm

+ Lót vải bạt chống thấm

+ Lớp móng CPĐD loại 1 dày 15cm

+ Nền đường thiết kế đắp đất cấp 3 đầm chặt K95, đảm bảo yêu cầu về cường độ và độ lún.

- Bán kính bó vỉa hè tại chỗ giao: R = 3m-5m, đảm bảo các phương tiện có thể rẽ an toàn và thuận tiện.

- Hệ thống rãnh thoát nước:

+ Rãnh B500 có chiều dài L=13m, tường xây bằng gạch đặc VXM M75 dày 22cm, trát trong VXM M75 dày 2,0cm. Lót rãnh đổ BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm. Trên đặt tấm đan BTCT M200 đá 1x2 kích thước 100x75x10cm.

+ Rãnh B400 có chiều dài L=501m khoảng 15-20m bố trí 01 tấm song chắn rác Composite để thu nước mặt, tường xây bằng gạch đặc VXM M75 dày 22cm, trát trong VXM M75 dày 2,0cm. Lót rãnh đổ BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm. Trên đặt tấm đan BTCT mác 200 đá 1x2 kích thước 100x75x10cm.

+ Rãnh B300 có chiều dài L=643m khoảng 15-20m bố trí 01 tấm song chắn rác Composite để thu nước mặt, tường xây bằng gạch đặc VXM M75 dày 22cm, trát trong VXM M75 dày 2,0cm. Lót rãnh đổ BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm. Trên đặt tấm đan rãnh BTCT mác 200 đá 1x2 kích thước 100x65x10cm.

+ Hố ga thăm bố trí tại các điểm giao cắt các tuyến rãnh. Hố ga xây gạch đặc VXM M75 dày 22cm, trát trong VXM M75 dày 2,0cm. Đáy đổ BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm. Tấm đan composite 12,5KN kết hợp BTCT.

+ Tường rào: Có chiều dài khoảng 720,0m được xây gạch không nung vữa xi măng mác 75 cao 1,0m; trát vữa xi măng mác 75 sau đó sơn trực tiếp 1 nước 2 nước màu.

+ Cổng: Có kết cấu chịu lực chính là cột kích thước 220x220 bằng BTCT mác 250, xây xung quang trụ là gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa xi măng mác 75 sau đó sơn trực tiếp 1 nước 2 nước màu.

+ Mộ cát táng: Đào 800 hố mộ xây thành xung quanh bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75 dày 220mm. Lối đi giữa các hàng mộ đổ bê tông nền mác 150 đá 1x2cm, dày 12cm.

+ Nhà hành lễ: Có diện tích khoảng 50,0m^2 kết cấu chịu lực chính là móng đơn BTCT có kích thước 1,0x1,0 kết hợp với hệ giằng tường BTCT kích thước 300x220cm, tường xung quanh xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, kết hợp hệ vì kèo xà gồ mái ngói, tường sơn trực tiếp một nước lót 2 nước màu.

(Chi tiết xem hồ sơ đã được phòng Kinh tế thẩm định)

10. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 07-4:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông.

- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

- TCCS 39:2022/TCĐBVN – Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông

- 11TCN-18-2006: Phần Qui định chung về điện;

- 11TCN -19-2006: Hệ thống đường dây dẫn điện;

- 11TCN -20-2006: Trang bị phân phối và trạm biến áp;

- TCVN 9206:2012: Tiêu chuẩn Quốc gia về đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012: Tiêu chuẩn thiết kế - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng;

- QCVN 07-5-2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp điện;

- QCVN 07-7-2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình chiếu sáng.

- Các tài liệu khác có liên quan

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 35.032.976.000 đồng (không vượt tổng mức đầu tư đã duyệt tại Quyết định số số 1468/QĐ-UBND ngày 14/7/2026*)*.

(Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	18.000.000.000 đ
- Chi phí xây dựng:	12.946.774.755 đ
- Chi phí quản lý dự án:	364.245.266 đ
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.005.198.263 đ
- Chi phí khác:	390.798.421 đ
- Chi phí dự phòng:	2.325.959.492 đ
- Tổng cộng (làm tròn):	**35.032.976.000 đ**

12. Tiến độ thực hiện: Năm 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư công ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu trực tiếp QLDA.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án (Chủ đầu tư):

- Khẩn trương thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo đúng quy định của pháp luật để đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư dự án, không gây nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đảm bảo các điều kiện cần thiết để việc đầu tư dự án đạt hiệu quả tối đa.

- Trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng yêu cầu Chủ đầu tư rà soát, kiểm tra lại toàn bộ khối lượng, đơn giá và các nội dung chi phí trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hiện trạng thực tế và các quy định, chế độ, đơn giá, giá vật liệu xây dựng hiện hành. Trên cơ sở kết quả rà soát, kịp thời cập nhật, xác định giá gói thầu bảo đảm phù hợp với thực tế, chính xác, tiết kiệm, hiệu quả và làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác Lựa chọn nhà thầu.

- Giám sát chặt chẽ quá trình thi công của nhà thầu đảm bảo chất lượng công trình và an toàn lao động theo quy định.

- Khi thanh toán khối lượng, yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu trên cơ sở khối lượng thực tế do đơn vị thi công thực hiện, bảo đảm phù hợp với hồ sơ thiết kế, dự toán được duyệt và các quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về công tác quản lý đầu tư xây dựng được qui định tại Điều 41 Luật Xây dựng 2026 và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Kinh tế: Tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn vốn cho dự án theo đúng quy định; tăng cường chức năng giám sát đánh giá đầu tư đối với dự án và các công trình, dự án khác trên địa bàn xã.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban quản lý Dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng uỷ (b/c);
- CT, các PCT UBND xã (b/c);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ XUÂN LÂNG T.PHÚ THỌ

Hoàng Văn Hưng